

Bản án số: **13/2024/KDTM-ST**

Ngày: 07-8-2024

*"V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hoá"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA  
ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Kim Ánh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hồng Hải

Ông Đặng Ngọc Thuý

**- Thư ký Toà án phiên toà:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:** Ông Lê Thanh Tráng– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-KDTM ngày 16/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13A/2024/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần X; Địa chỉ: F N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật ông Trần Đình T1 - Chức vụ giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt P – Chức vụ: Nhân viên kinh doanh; Địa chỉ: K7/H32/4 N, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vương Thị Tố L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN)Thương mại và dịch vụ Vương Q; Địa chỉ: K đường H nối dài, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY

*Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2023, các bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2024, cũng như tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 30/03/2019 giữa Công ty cổ phần X (Bên A) và DNTN Thương Mại và D (Bên B) do bà Vương Thị Tố L – Chủ doanh nghiệp đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 139/HĐMB/NHS về việc Bên A cung cấp xi măng cho bên B và bên B thanh toán cho bên A theo hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc bù trừ công nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hàng, ghi hóa đơn bán hàng. Sau một thời gian mua bán, Bên B thanh toán lần cuối thanh toán cho bên A là vào ngày 13/01/2023, thời gian sau đó hai bên không còn mua bán nữa. Theo biên bản đối chiếu công nợ số:../ĐCCN-NHS ký ngày 30/09/2022 bên B còn nợ bên A với số tiền là **21.975.000 đồng** đến ngày 13/01/2023 bên B trả thêm được 3.000.000 đồng. Số tiền còn phải nợ là 18.975.000 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Từ đó đến nay bên B không trả nợ nữa, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vương Thị Tố L - Chủ DNTN Thương Mại và D trả nợ cho công ty X với số tiền là: **20.303.250 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 18.975.000 đồng và tiền lãi: 1.328.250 đồng. Thời gian tính lãi từ 01/02/2023 đến 30/9/2023 là 8 tháng với lãi suất là 7.0%/năm (so với các ngân hàng đang hiện hành) và lãi suất quá hạn tính 150%. ( $18.975.000đ \times 7,0\%/12^{th} \times 8^{th} \times 150\% = 1.328.250$  đồng) và không yêu cầu tiền lãi phát sinh sau 30/9/2023.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện số tiền lãi 1.328.250 đồng.

***Bị đơn bà Vương Thị Tố L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D:*** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hoà giải, tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi về việc Công ty cổ phần X khởi kiện.

*Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:*

+Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, 55 và 278; Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” của Công ty cổ phần X đối với bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phần tiền lãi chậm thanh toán.

+ Về án phí: Bà Vương Thị Tố L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D phải chịu theo quy định của pháp luật.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X đối với bà Vương Thị Tố L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai Bà Vương Thị Tố L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện của bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện:

Công ty cổ phần X (Bên A) và DNTN Thương Mại và D (Bên B) do bà Vương Thị Tố L – Chủ doanh nghiệp đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 139/HĐMB/NHS vào ngày 30/03/2019 về việc Bên A cung cấp xi măng cho bên B và bên B thanh toán cho bên A theo hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc bù trừ công nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hàng, ghi hóa đơn bán hàng.

Theo thoả thuận tại Hợp đồng Công ty cổ phần X đã hoàn thành việc giao nhận, thực hiện đúng các công việc được nêu tại Hợp đồng. Hai bên đã đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ Quý III năm 2022 vào ngày 30/9/2022, theo đó bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D đã xác nhận còn nợ Công ty cổ phần X số tiền 21.975.000 đồng, đến ngày 13/01/2023 DNTN Thương Mại và D trả thêm cho Công ty cổ phần X được 3.000.000 đồng. Số tiền còn phải nợ là 18.975.000 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nay Công ty cổ phần X yêu cầu bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D trả số tiền nợ còn lại là 18.975.000 đồng thì

thấy theo thoả thuận tại Điều III của Hợp đồng bên B thanh toán cho bên A theo hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc bù trừ công nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hàng, ghi hóa đơn bán hàng, theo tài liệu mà nguyên đơn cung cấp thì đã xuất hàng cho bị đơn vào các ngày theo các hoá đơn giá trị gia tăng ngày 29/5/2019; 18/5/2019; 08/6/2019; 27/6/2019; 10/7/2019; 17/7/2019... Đồng thời, theo giấy đề nghị thanh toán ngày 30/6/2023 mà Bên A đã gửi cho bên B thông qua dịch vụ bưu chính (ngày 4/8/2023) thì có đề nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thanh toán công nợ thì bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền cho bên A.

Như vậy, đã quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng và cũng quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thoả thuận thanh toán nhưng bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D không thực hiện nghĩa vụ của mình là đã vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận tại các hợp đồng. Vì vậy căn cứ Điều 50, 55 Luật Thương mại và Điều 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Công ty cổ phần X yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ trên là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và Dịch Vụ V phải thanh toán số tiền là 18.975.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu tiền lãi phạt chậm thanh toán: Tại phiên tòa hôm nay, Công ty cổ phần X rút yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán 1.328.250 đồng là tự nguyện nên căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần tiền lãi.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, 55 Luật Thương mại và 278; Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” của Công ty cổ phần X đối với bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D.

### **\* Tuyên xử:**

1. Buộc bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền là 18.975.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu

lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

**2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phân tiền lãi chậm thanh toán.**

**3. Về án phí:** Bà Vương Thị Tố L – Chủ DNTN Thương Mại và D phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001286 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhậm:**

- VKSND quận Thanh Khê
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Chi cục THS DS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Kim Ánh**